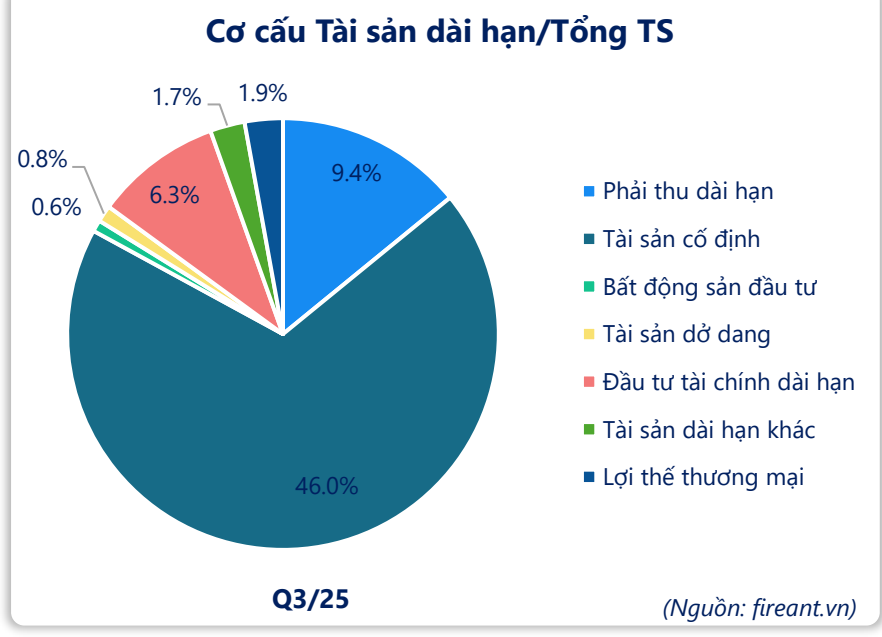
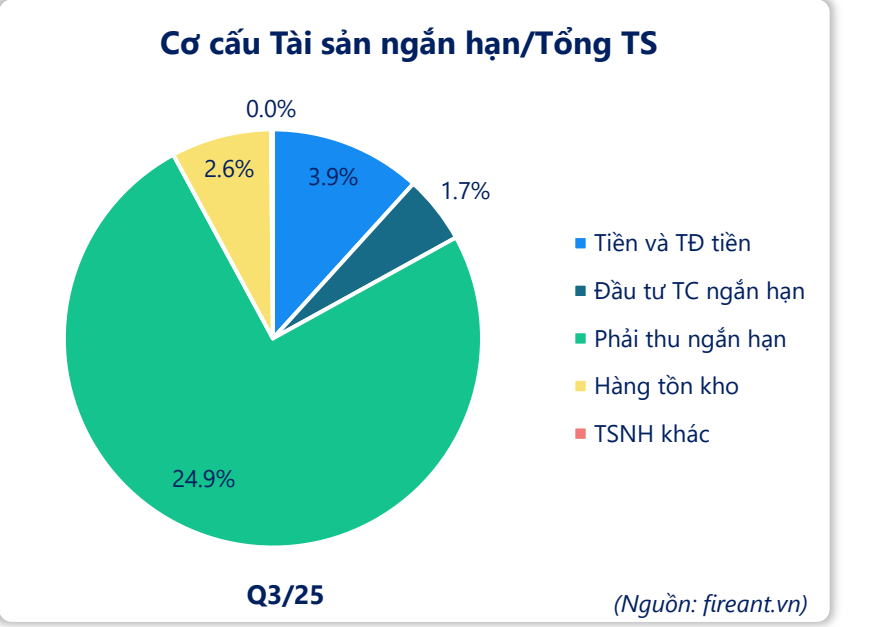
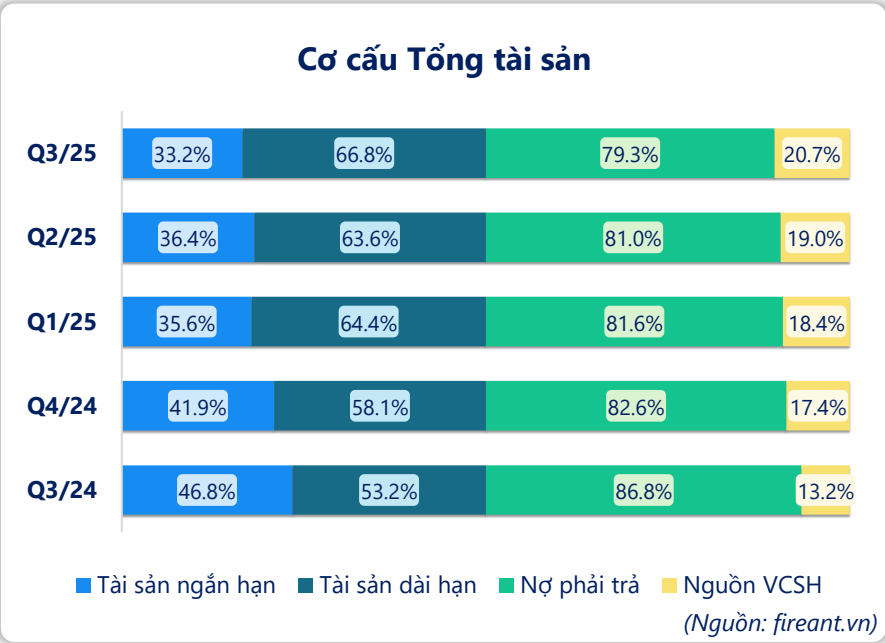
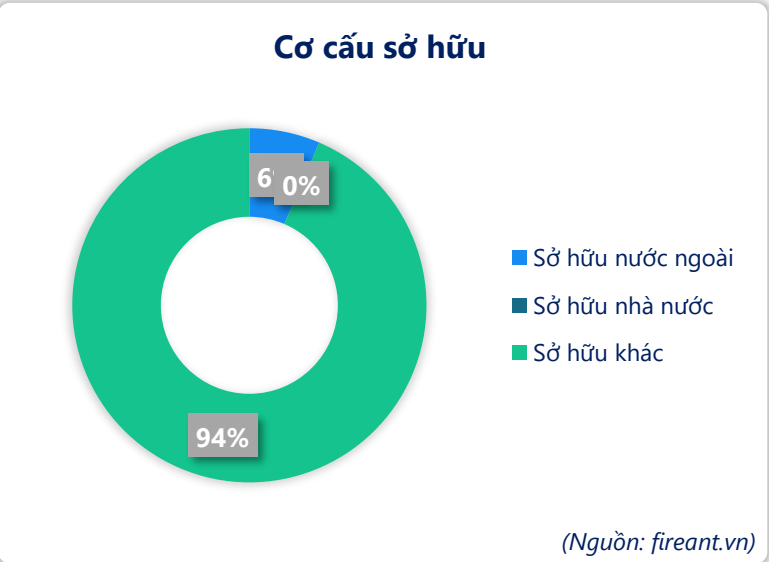
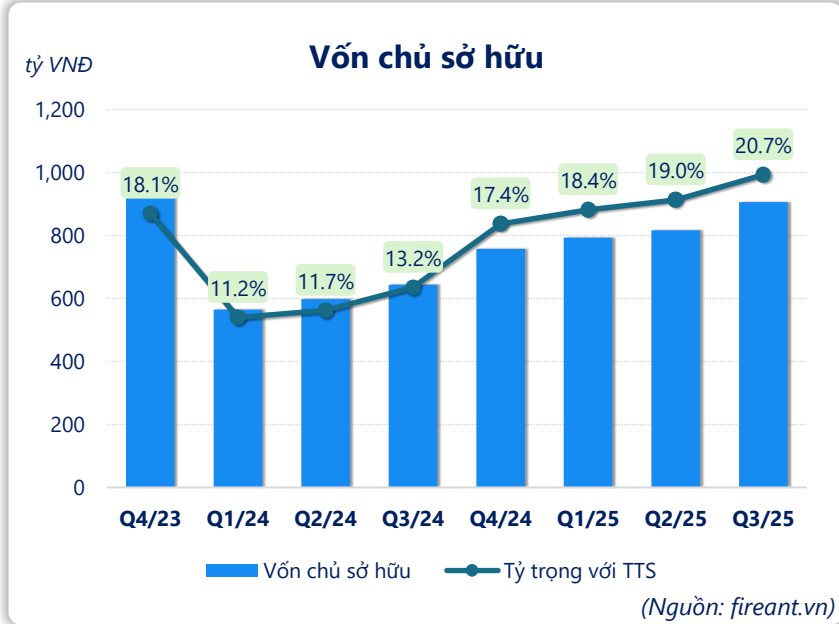
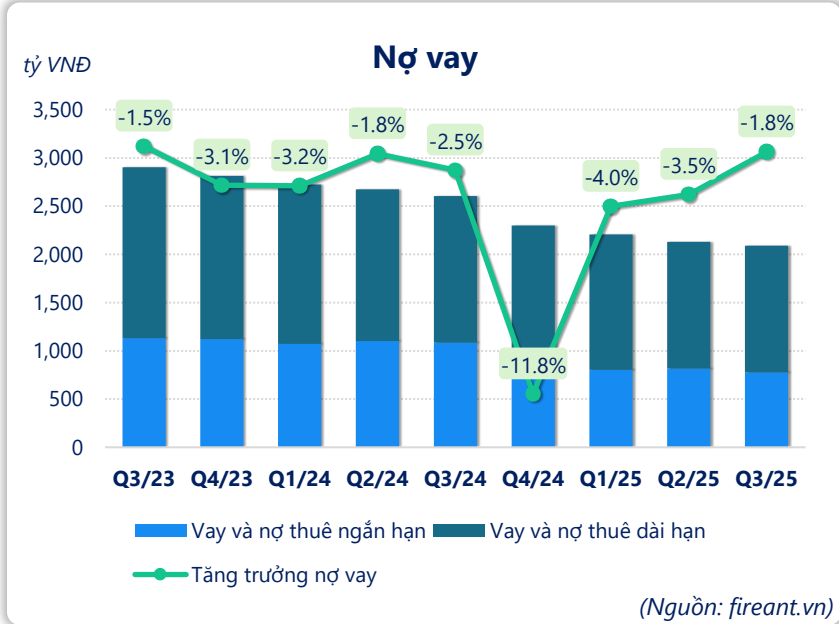
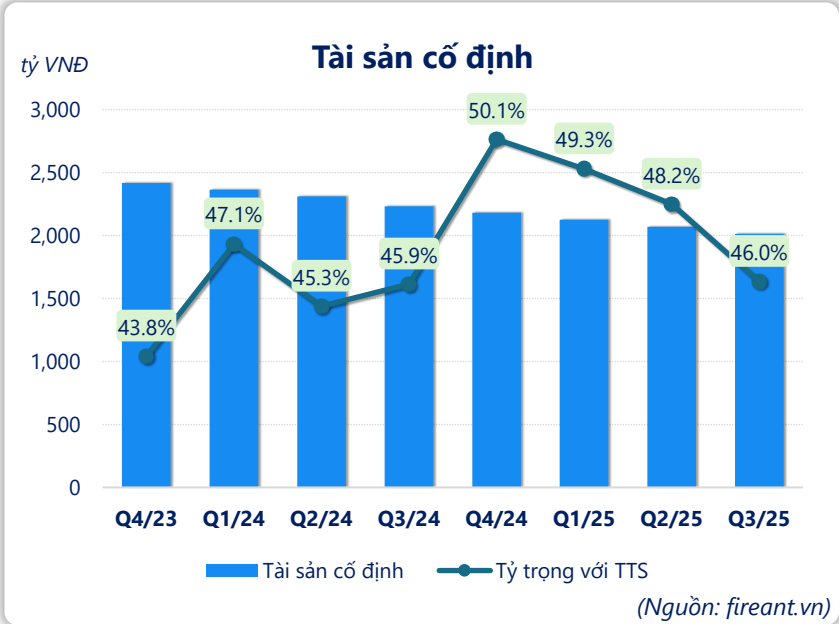
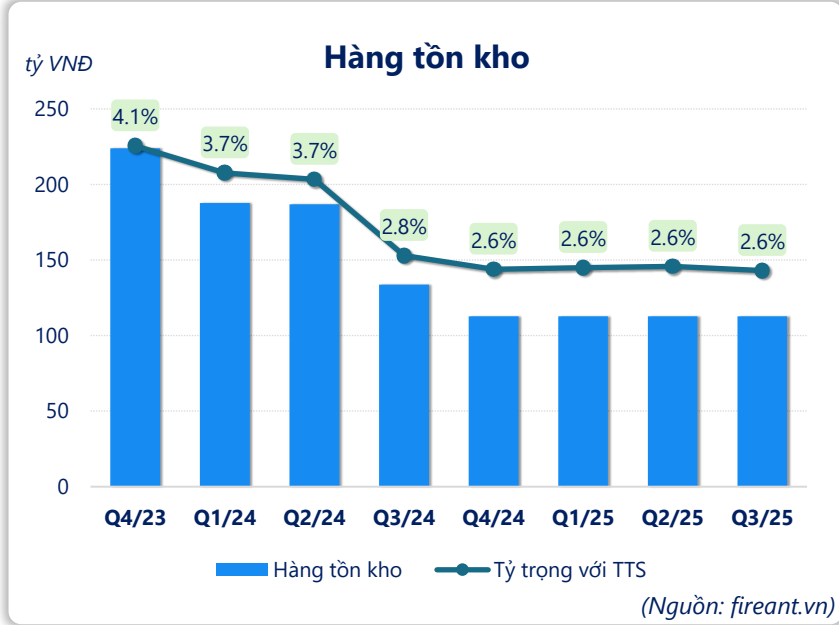
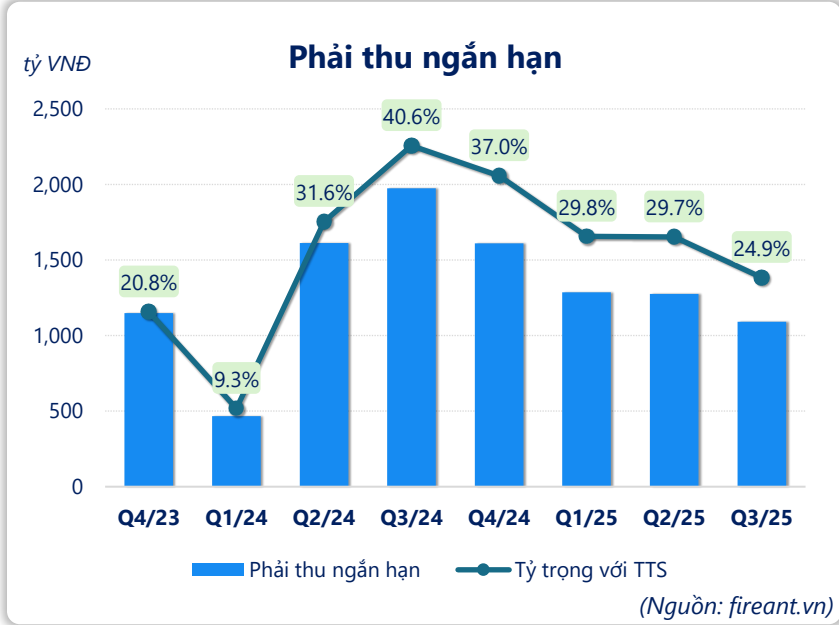
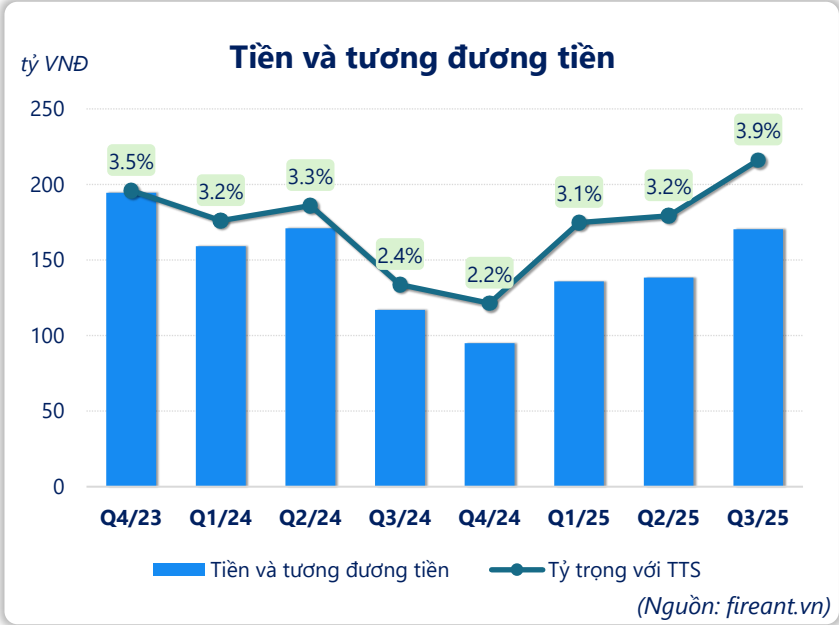
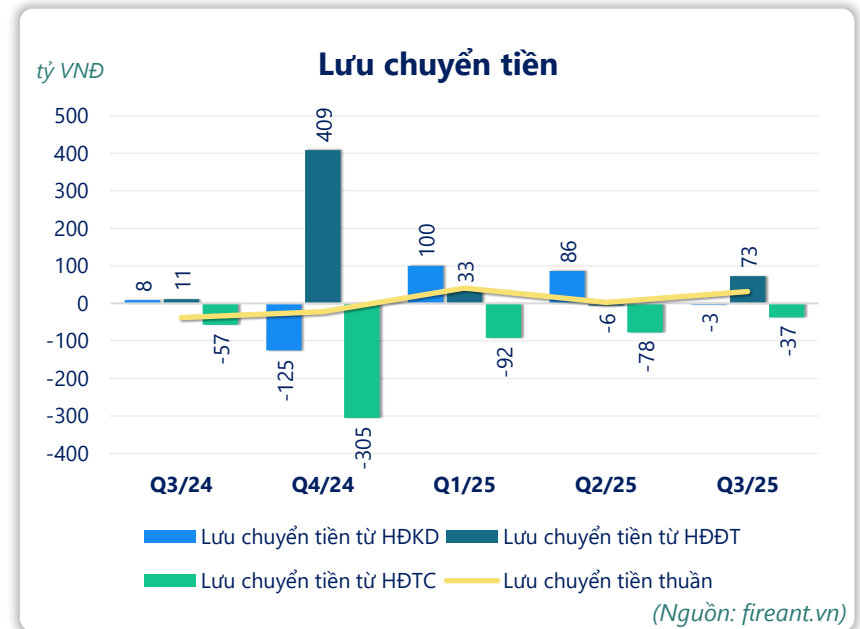
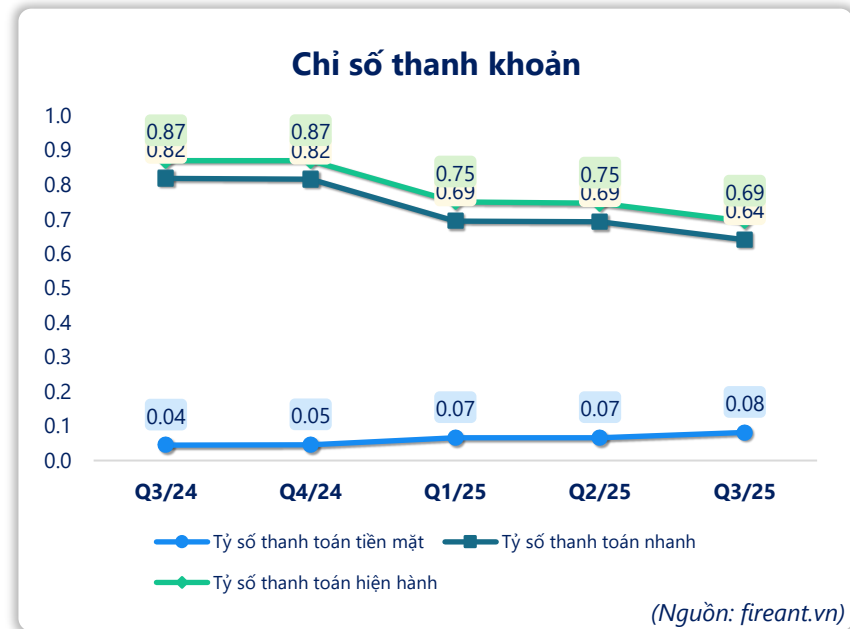
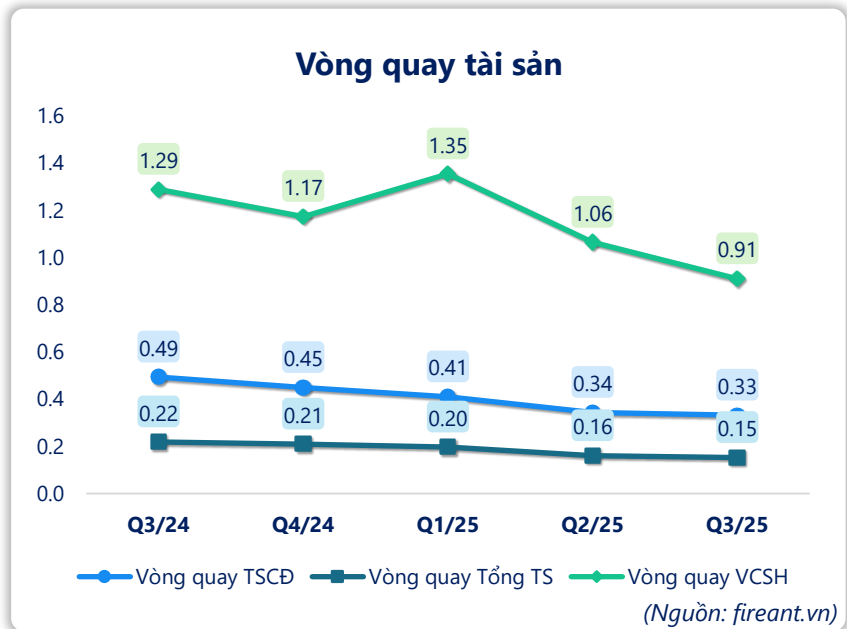
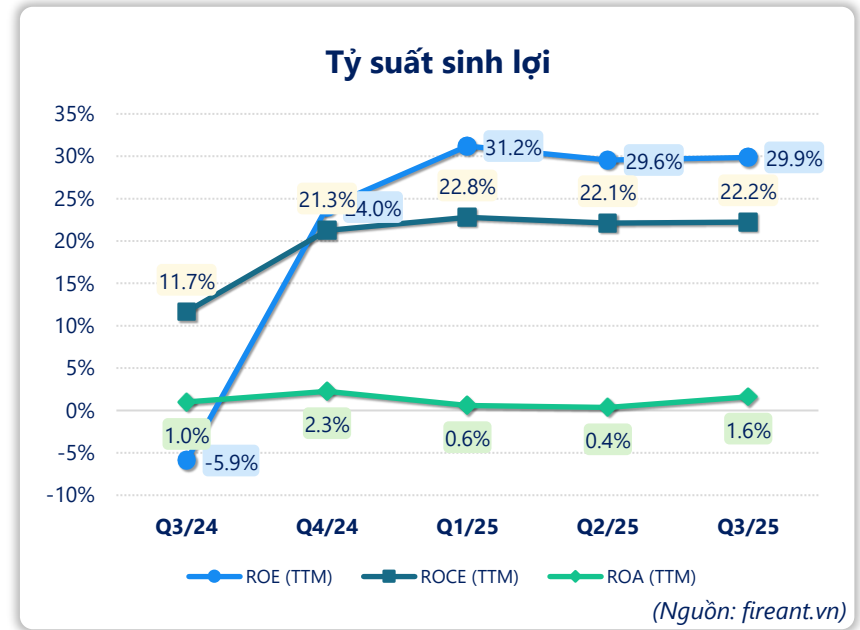
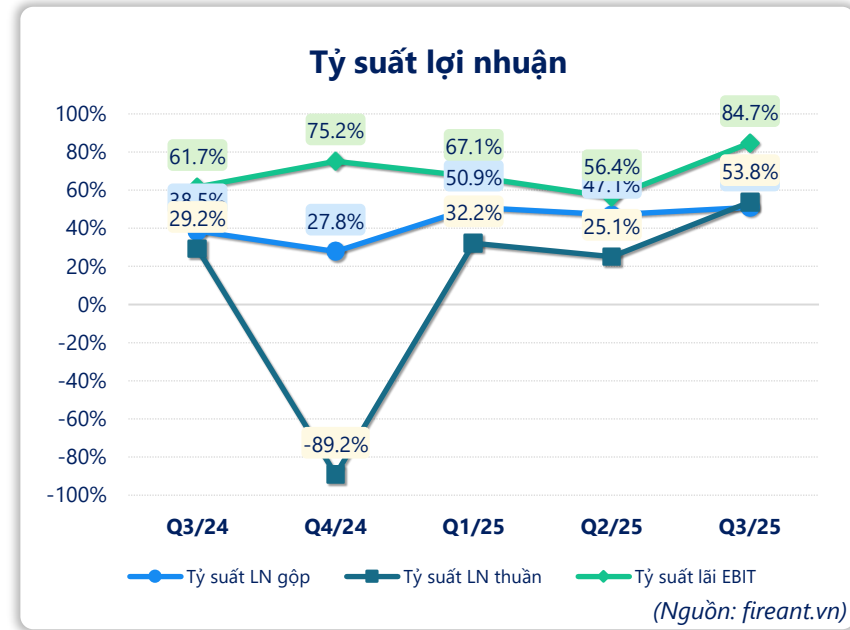
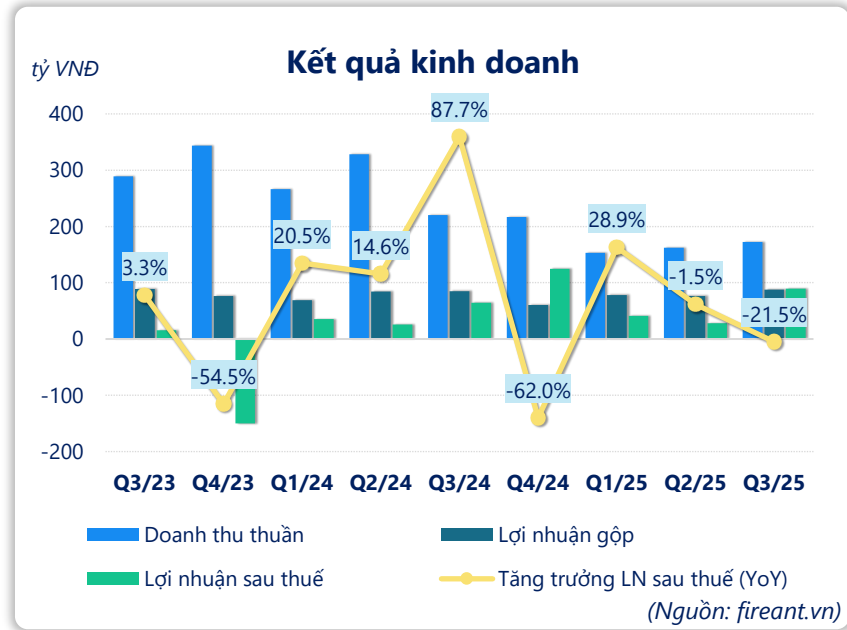


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,870
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,720
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,770
SL cổ phiếu LH		299,309,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,264,935
% sở hữu nước ngoài		6.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		859
P/E		3.7
EPS		773

	YTD	1T	3T	6T
DLG	38.0%	-8.9%	16.7%	31.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,379	4,348	0.7%
Tài sản ngắn hạn	1,453	1,514	-4.0%
Tiền và tương đương tiền	170	95.0	79.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	76.3	0	
Phải thu ngắn hạn	1,091	1,304	-16.3%
Hàng tồn kho	113	113	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.17	1.81	20.2%
Tài sản dài hạn	2,927	2,835	3.2%
Phải thu dài hạn	413	388	6.4%
Tài sản cố định	2,014	2,181	-7.6%
Bất động sản đầu tư	25.2	26.2	-3.6%
Tài sản dở dang	36.4	47.7	-23.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	278	7.09	3821%
Tài sản dài hạn khác	76.0	88.9	-14.4%
Lợi thế thương mại	83.7	96.5	-13.3%
Nợ phải trả	3,473	3,596	-3.4%
Nợ ngắn hạn	2,093	2,093	0.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	778	865	-10.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	170	207	-17.6%
Nợ dài hạn	1,381	1,503	-8.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,313	1,433	-8.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	906	752	20.5%
Vốn chủ sở hữu	906	752	20.5%
Vốn điều lệ	2,993	2,993	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	220	217	153	162	173
Giá vốn hàng bán	136	157	75.2	85.7	84.6
Lợi nhuận gộp	84.8	60.3	78.0	76.3	87.9
Doanh thu HĐTC	181	20.3	41.6	12.7	53.8
Chi phí TC	74.4	48.9	59.0	66.2	56.2
Chi phí lãi vay	73.9	49.6	59.0	57.6	56.2
LN trong công ty LKLD	0.09	0.12	0.05	-0.20	0.09
Chi phí bán hàng	0.88	0.96	0.02	0.02	0.02
Chi phí QLDN	126	224	11.3	-18.1	-7.16
LN thuần từ HĐKD	64.4	-193	49.3	40.7	92.8
Lợi nhuận khác	-2.41	307	-5.63	-7.03	-2.75
LN trước thuế	62.0	113	43.7	33.7	90.0
Lợi nhuận sau thuế	64.6	125	41.1	27.9	89.6
LNST của CĐ cty mẹ	52.5	111	28.4	16.8	74.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.33	-125	99.9	86.1	-3.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.2	409	33.1	-5.82	72.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.4	-305	-92.2	-77.7	-37.4
Tiền đầu kỳ	171	117	95.0	136	138
Lưu chuyển tiền thuần	-37.9	-21.9	40.8	2.66	32.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-16.1	-0.09	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	117	4,651	136	138	170

(Nguồn: fireant.vn)